

Bản án số: 369/2023/DSPT
Ngày: 29/03/2023
V/v : “ Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Kim Thương

Ông Trương Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liễu– Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm– Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 03 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 592/DSPT ngày 14 tháng 12 năm 2022, về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 404/2022/DSST ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 384/2023/QĐPT-DS ngày 06/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2149/2023/QĐ-PT ngày 01/03/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: 49 Đình Nghi X, phường Bình Trị Đ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1970.

2. Bà Nguyễn Thúy V, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: 03 Quách Văn T, Phường MH, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P và bà V: Ông Nguyễn Quảng A, sinh năm 1998. (có mặt)

Địa chỉ: 234 (lầu 1) TC, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: bị đơn Bà Nguyễn Thúy V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/6/2020, nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc T và bị đơn là vợ chồng Ông Nguyễn Duy P, Bà Nguyễn Thúy V có thỏa thuận miệng về việc giao kết hợp đồng mua bán các sản phẩm gang tay y tế với giá trị 15.100.000.000 đồng. Bà T có đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản cho bà V số tiền là 500.000.000 đồng. Theo đúng như thỏa thuận thì từ 05 đến 07 ngày sau khi đặt cọc bên ông P và bà V phải giao hàng cho bên Bà T nhưng ông P và bà V không giao hàng theo đúng thời gian thỏa thuận. Bà T nhiều lần yêu cầu giao hàng nhưng bên ông P và bà V vẫn không giao. Sau đó, nhiều lần Bà T có đòi lại số tiền đã đặt cọc nêu trên nhưng vợ chồng ông bà V và Phúc vẫn không muốn trả lại. Đến ngày 16/01/2021 thì ông P và bà V chỉ trả lại cho Bà T được số tiền là 100.000.000 đồng và ngày 22/01/2021 tiếp tục thanh toán cho Bà T thêm được 100.000.000 đồng nữa và cam kết miệng với Bà T là mừng 06 Tết âm lịch trả thêm 100.000.000 đồng, 15 tháng giêng âm lịch trả thêm 100.000.000 đồng, 22 tháng giêng trả tiếp số tiền còn lại là 100.000.000 đồng tuy nhiên ông P và bà V vẫn không thực hiện như lời hứa. Vì vậy, Bà T làm đơn lên UBND Phường MH, quận TB yêu cầu giải quyết số nợ trên. Ủy ban nhân dân Phường MH, quận TB có mời hai bên lên và lập biên bản hòa giải, nội dung của biên bản hòa giải là đến hết ngày 30/12/2021 thì vợ chồng ông P và bà V phải thanh toán trước cho Bà T số tiền là 250.000.000 đồng nhưng ông P và bà V cũng không thực hiện theo đúng nội dung biên bản lập tại UBND Phường MH, quận TB.

Bà T khởi kiện yêu cầu ông P và bà V trả lại cho Bà T số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ là 300.000.000 đồng, cộng với tiền lãi tạm tính 10%/năm, tạm tính từ 01/2021 (là ngày cam kết trả tiền tiếp) đến tháng 9/2022 là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 350.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Bà Nguyễn Thúy V và Ông Nguyễn Duy P là ông Nguyễn Quảng A trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc T và Bà Nguyễn Thúy V là bạn bè làm ăn nhiều năm. Bà T có nhu cầu mua số lượng lớn gang tay y tế nên đã đến nhờ bà V tìm và hỗ trợ giúp. Qua tìm hiểu và giới thiệu từ Ông Nguyễn Duy P (chồng của bà V) thì bà V biết được bà Nguyễn Thị Kim Q là người chuyên kinh doanh mặt hàng nêu trên nên bà V đã giới thiệu bà Q cho Bà T để các bên thỏa thuận, trao đổi và thương lượng mua bán gang tay y tế. Bà T và bà Q đã thống nhất mua 10.000 thùng gang tay y tế với giá 15.100.000.000 đồng. Phương thức thanh toán được thực hiện như sau:

Đợt 1: Bên mua là Bà T sẽ chuyển tiền đặt cọc là 500.000.000 đồng cho bà Q.

Đợt 2: Các bên sẽ đến công ty của bà Q để làm hợp đồng thanh toán số tiền còn lại và nhận 10.000 thùng gang tay y tế.

Việc giao kết mua bán gang tay y tế được Bà T và bà Q thống nhất như trên nhưng lúc chuyển tiền đặt cọc thì Bà T đã nhờ bà V chuyển tiền 500.000.000 đồng cho bà Q. Việc bà V giới thiệu và chuyển tiền giúp cho Bà T hoàn toàn dựa trên cơ sở mối quan hệ thân tình lâu năm giữa bà V và Bà T cùng sự tự nguyện hỗ trợ, giúp đỡ của bà V đối với Bà T với mong muốn Bà T sớm

mua được găng tay chứ không phải vì bất kỳ lợi ích vật chất nào. Đây là nguyên nhân bắt nguồn của tranh chấp trong vụ án. Do Bà T nhờ bà V chuyển tiền hộ mua găng tay cho bà Q nên ngày 16/06/2020, Bà T đã sử dụng tài khoản số 66558849 chuyển tiền cho bà V số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) vào tài khoản cá nhân của bà V (số tài khoản: 32028789 – Ngân hàng ACB) với nội dung “DAT COC GANG TAY Y TE”. Sau đó, cả bà V và Bà T cùng nhau ra ngân hàng để tiến hành làm ủy nhiệm chi, chuyển số tiền 500.000.000 đồng nêu trên cho bà Q (Số tài khoản: 20488888) với nội dung tương tự.

Tuy nhiên, đến ngày giao hàng như thỏa thuận, thì Bà T lại đi cùng một số người đến nhưng không tiến hành ký hợp đồng và thanh toán đủ số tiền còn lại để nhận hàng như đã thỏa thuận nên giao dịch đã không thành. Việc giao dịch mua bán găng tay thực chất là giao dịch giữa người mua là Bà T và người bán là bà Q, còn bà V chỉ là người trung gian chuyển tiền hộ Bà T, việc Bà T không thực hiện thỏa thuận mua bán giữa các bên thì hoàn toàn là lỗi từ phía Bà T. Vì nghĩ đến quan hệ thân thiết giữa bà V với Bà T cũng như muốn giúp Bà T có thể lấy lại số tiền 500.000.000 đồng nên bà V đã thống nhất với Bà T tố giác bà Q đến Phòng Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và một lần nữa Bà T lại yêu cầu bà V đại diện để đòi lại số tiền này.

Ngày 27/08/2020, tại Phòng Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bà Q đã thừa nhận việc có nhận 500.000.000 đồng từ bà V theo giấy vay tiền ngày 16/06/2020 và cam kết sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho bà V theo giấy cam kết trả nợ ngày 27/08/2020. Lần lượt vào ngày 17/01/2021 và 22/01/2021 bà Q đã hoàn trả lại cho bà V mỗi lần 100.000.000 đồng, tổng số tiền đã chuyển là 200.000.000 đồng và cam kết sẽ trả số tiền còn lại trong thời gian sớm nhất. Đồng thời, sau mỗi lần nhận được số tiền 100.000.000 đồng, bà V đã đều chuyển ngay trong ngày cho Bà T, tổng số tiền đã chuyển là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bà Q gặp khó khăn về tài chính nên không thể chuyển số tiền còn lại cho bà V, sau đó bà V cũng không thể nào có tiền chuyển cho Bà T.

Qua nội dung trình bày trên, có thể thấy vấn đề như sau:

- Vai trò của cụ thể của từng người trong giao dịch mua bán găng tay như sau: Bà Nguyễn Ngọc T là bên mua găng tay; Bà Nguyễn Thúy V là người giới thiệu và hỗ trợ việc mua găng tay không thù lao; Bà Nguyễn Thị Kim Q là bên bán găng tay. Bà T là người có lỗi trong việc không tiếp tục giao kết hợp đồng dẫn đến việc Bà T bị phạt cọc.

- Ông P không liên quan đến giao dịch số tiền 500.000.000 đồng giữa Bà T, bà V và bà Q.

- Nội dung tại Biên bản của UBND Phường MH, quận TB ngày 23/11/2021 “*Bị đơn: Anh P và bà V từ nay đến Tết (DL) Tây (30/12/2021) ông P và bà V sẽ trả 250 triệu*” chỉ thể hiện quan điểm riêng của ông P về sự thiện chí hỗ trợ giúp đỡ Bà T thu hồi tiền chứ không đồng nghĩa với việc thừa nhận hay đồng ý bất kỳ lời trình bày hay quan điểm nào của Bà T trên biên bản; Vì số tiền 500.000.000 đồng khá lớn và dựa trên tình nghĩa, thiện chí hỗ trợ giúp đỡ Bà T nên bà V mới liên lạc, đàm phán và trao đổi với bà Q nhằm thu hồi lại số tiền

trên, chứ không phải do bà V thiếu nợ Bà T.

Ngay từ thời điểm xảy ra mâu thuẫn trong việc giao dịch mua bán găng tay rất có khả năng khiến cho Bà Nguyễn Ngọc T bị mất số tiền cọc 500.000.000 đồng nhưng phía Bà Nguyễn Thúy V đã rất thiện chí cố gắng hỗ trợ cho Bà T để thu hồi số tiền đặt cọc mặc dù bà V không có trách nhiệm phải làm việc này. Do đó, có thể thấy bà V từ một người đã rất cố gắng sát cánh tương trợ cùng Bà T để vượt qua khó khăn và đã thu hồi được 200.000.000 đồng từ phía bà Q, nhưng nay Bà T lại buộc trách nhiệm trả nợ cho bà V là không đúng đối tượng, không đúng với sự thật khách quan của vụ án và đã xâm phạm đến với quyền lợi ích hợp pháp của bà V.

Từ những lý do trên, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Kim Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này để làm sáng tỏ đầy đủ các tình tiết khách quan của vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 404/2022/DSST ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc do chậm thực hiện nghĩa vụ: Buộc Ông Nguyễn Duy P và Bà Nguyễn Thúy V có trách nhiệm thanh toán cho Bà Nguyễn Ngọc T số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về đòi tiền lãi do chậm thanh toán: Buộc Ông Nguyễn Duy P và Bà Nguyễn Thúy V có trách nhiệm thanh toán cho Bà Nguyễn Ngọc T số tiền lãi do chậm thanh toán là 22.500.000 (Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Tổng cộng 322.500.000 (Ba trăm hai mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng. Thời hạn và phương thức thanh toán: ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Duy P và Bà Nguyễn Thúy V phải chịu án phí sơ thẩm là 16.125.000 (Mười sáu triệu một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm là 1.375.000 (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 đồng, Bà T được nhận lại 6.875.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0030920 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 24/10/2022 bị đơn là Bà Nguyễn Thúy V nộp đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đề nghị Toà án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện bị đơn trình bày: đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền gốc và lãi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến :

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự nộp trong hạn luật định. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm tuyên là có cơ sở nên Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Bị đơn Bà Nguyễn Thúy V nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên đơn kháng cáo của bị đơn được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và theo biên bản ngày 23/11/2021 do Ủy ban nhân dân Phường MH, quận TB lập, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng qui định pháp luật. Bị đơn có địa chỉ tại quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng. Do có kháng cáo của bị đơn nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm

[1.3] Về người tham gia tố tụng:

Đại diện bị đơn yêu cầu đưa bà Nguyễn Thị Kim Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ các lời khai nhận của đại diện bị đơn, nguyên đơn thể hiện Bà T chuyển tiền cho bà V số tiền 500.000.000 đồng với nội dung “ Đặt cọc găng tay y tế” và giấy báo nợ ngày 18/01/2021 bà V chuyển cho Bà T số tiền 100.000.000 đồng với nội dung bà V trả tiền đợt 1 găng tay y tế và 22/01/2021

với nội dung bà V trả tiền đợt 2 găng tay y tế . Trong các giấy chuyển tiền từ Bà T sang bà V hay bà V chuyển trả tiền cho Bà T trong nội dung chuyển tiền không có đề cập đến bà Q. Bên cạnh đó, theo ủy nhiệm chi ngày 16/06/2020 bà V chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị Kim Q với nội dung là “ Anh P đặt cọc lô hàng 10 ngàn găng tay” và Giấy vay tiền ngày 16/6/2020, giấy cam kết trả nợ ngày 27/8/2020 do bị đơn nộp cho Tòa án thể hiện Bà Nguyễn Thúy V có cho bà Nguyễn Thị Kim Q vay số tiền 500.000.000 đồng, bà Q cam kết trong vòng 30 ngày sẽ trả lại tiền cho bà V cũng không có liên quan hay đề cập đến Bà T. Phía nguyên đơn Bà T không thừa nhận có liên quan đến bà Q do đó không có căn cứ xác định bà Q có liên quan đến vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị Kim Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng qui định pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về yêu cầu của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu ông P và bà V thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 300.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn và đại diện bị đơn xác nhận số tiền Bà T chuyển cho bà V là 500.000.000 đồng và bà V đã chuyển trả cho Bà T 200.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền còn lại 300.000.000 đồng là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ.

Về trách nhiệm thanh toán: Đại diện bị đơn, ông Nguyễn Quảng A trình bày: Việc mua bán hàng hóa găng tay y tế là giữa Bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim Q; Bà Nguyễn Thúy V chỉ là người trung gian nhận chuyển khoản từ Bà T và chuyển khoản lại số tiền cọc 500.000.000 đồng cho bà Q. Do đó trách nhiệm trả lại tiền cọc còn thiếu 300.000.000 đồng thuộc về bà Nguyễn Thị Kim Q nhưng bị đơn và người đại diện bị đơn ngoài lời trình bày thì không cung cấp được chứng cứ thể hiện bà Nguyễn Thị Kim Q là người nhận số tiền cọc 500.000.000 đồng từ Bà Nguyễn Ngọc T cũng như bà Q là người trả số tiền 200.000.000 đồng cho Bà T do không thể thực hiện hợp đồng và nguyên đơn không thừa nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Ngược lại căn cứ vào các giấy chuyển tiền, giấy ủy nhiệm chi, giấy báo có, giấy báo nợ giữa Bà T và bà V cũng như căn cứ vào biên bản tại Ủy ban nhân dân Phường MH, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/11/2021 thể hiện ông P đồng ý trả tiền cho Bà T và ông P với bà V là quan hệ vợ chồng nên có đủ cơ sở buộc Bà Nguyễn Thúy V và Ông Nguyễn Duy P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền trên là phù hợp qui định pháp luật.

[2.1.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm thanh toán của nguyên đơn: Căn cứ xác nhận của bị đơn do Ủy ban nhân dân Phường MH, quận TB lập ngày 23/11/2021 thì bị đơn hẹn 30/12/2021 trả tiền nhưng bị đơn không thực hiện, do đó thời điểm bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 01/01/2022 nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn, tiền lãi tính từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 là 09 tháng x 10%/năm x 300.000.000 đồng = 22.500.000 đồng theo qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp Phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2.2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thúy V phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp. Bà V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2014

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thúy V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc do chậm thực hiện nghĩa vụ: Buộc Ông Nguyễn Duy P và Bà Nguyễn Thúy V có trách nhiệm thanh toán cho Bà Nguyễn Ngọc T số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về đòi tiền lãi do chậm thanh toán: Buộc Ông Nguyễn Duy P và Bà Nguyễn Thúy V có trách nhiệm thanh toán cho Bà Nguyễn Ngọc T số tiền lãi do chậm thanh toán là 22.500.000 (Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Tổng cộng 322.500.000 (Ba trăm hai mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng. Thời hạn và phương thức thanh toán: ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Duy P và Bà Nguyễn Thúy V phải chịu án phí sơ thẩm là 16.125.000 (Mười sáu triệu một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm là 1.375.000 (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 đồng, Bà T được nhận lại 6.875.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0030920 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thúy V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0032196 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận TB
- Chi cục THADS quận TB;
- Các đương sự;
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Cương

